

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2020

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lài – Thư ký Tòa án huyện Mỏ Cày Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày **14** tháng **7** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Minh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 25/02/2020, bản khai cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt chị Đinh Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Minh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mỏ Cày Nam. Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Ngân T, sinh: 25/01/2016. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn và sinh hoạt gia đình, mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Hiện nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Bùi Minh T trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn và con chung như chị Hường trình bày. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử cũng như đương sự thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh T, con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Chị Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Minh T. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Anh Bùi Minh T có nơi cư trú tại xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

[2] Về Nội dung:

Chị Đinh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Minh T, yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Bùi Minh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp giấy chứng

nhận ngày 06/12/2016. Do đó, hôn nhân của chị H và anh T đã hội đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị H và anh T có 01 con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà anh chị đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết Tòa án đã mời anh T, chị H đến hòa giải nhưng anh T vắng mặt và chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Ngoài ra, Tòa án cũng đã xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị cho thấy thực tế anh chị đã ly thân thời gian dài. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng và cả hai anh chị không mong muốn tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và cả hai anh chị đều đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh T là phù hợp.

2.2 Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Bùi Ngân T, sinh: 25/01/2016. Quá trình xác minh thấy rằng hiện tại con chung đang sống với chị H và anh T cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T không phải cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu.

2.3 Về tài sản và nợ chung: Không có nên không xem xét.

2.4 Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị H có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Bùi Minh T.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Bùi Ngân T, sinh: 25/01/2016. Sau khi ly hôn con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được quyền ngăn cản.

Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Đinh Thị H phải nộp nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số: 0010315 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí